

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ chỉ số tạm thời đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1570/STTTT-CNTT&BCVT ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chỉ số tạm thời đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ số đánh giá DTI), với các nội dung chính sau:

1. Cấu trúc Bộ chỉ số đánh giá DTI của sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp sở) gồm: 07 chỉ số chính; 62 chỉ số thành phần.

2. Cấu trúc Bộ chỉ số đánh giá DTI của các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp huyện) gồm: 08 chỉ số chính; 85 chỉ số thành phần.

3. Cấu trúc Bộ chỉ số đánh giá DTI của các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp xã) gồm: 08 chỉ số chính; 69 chỉ số thành phần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 2853/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh về ban hành Bộ tiêu

chí đánh giá kết quả phát triển chính quyền số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương tổng hợp, đề xuất gửi UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, điều chỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT&TH tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu

BỘ CHỈ SỐ TẠM THỜI

**Đánh giá Chuyển đổi số của các sở, ban, ngành;
các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường,
thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khung chỉ số phục vụ đánh giá, xếp hạng hằng năm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, chính quyền cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (gọi chung là cấp sở);
- Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là UBND cấp huyện);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã);
- Các cơ quan, tổ chức khác có thể tham khảo sử dụng Bộ chỉ số này để đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức mình (nếu có nhu cầu).

Điều 3. Mục tiêu và yêu cầu

1. Mục tiêu

a) Nhằm phục vụ UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh hằng năm.

b) Hỗ trợ người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá được hiện trạng thực hiện chuyển đổi số hằng năm để định hướng, đưa ra các giải pháp nâng cao mức độ chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, cán bộ, công chức nhằm đẩy mạnh công tác chuyển đổi số toàn diện, từ đó tạo tiền đề cho việc xây dựng các cơ quan điển hình, cá nhân tiêu biểu trong việc thực hiện chuyển đổi số, góp phần cải cách hành chính, đánh giá thi đua khen thưởng trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo chính xác, minh bạch, khách quan, công khai, dân chủ và công bằng trong việc đánh giá, xếp hạng.

b) Phản ánh đúng tình hình thực tế kết quả chuyển đổi số chung của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Hình thành hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất, cập nhật về kết quả triển khai chuyển đổi số chung của tỉnh, của các đơn vị.

d) Hằng năm tổ chức triển khai xác định và công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp sở: 07 chỉ số chính; 62 chỉ số thành phần; thang điểm 1.000

STT	Chỉ số chính <i>(07 chỉ số chính)</i>	Chỉ số thành phần <i>(62 chỉ số thành phần)</i>	Tổng điểm tối đa <i>(1.000 điểm)</i>
1	Nhận thức số	6	100
2	Thế chế số	6	100
3	Hạ tầng số	7	100
4	Nhân lực số	7	100
5	An toàn thông tin mạng	8	150
6	Hoạt động chuyển đổi số	24	400
7	Hoạt động xã hội số	4	50

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

Điều 5. Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp huyện: 08 chỉ số chính; 85 chỉ số thành phần; thang điểm 1.000

STT	Chỉ số chính <i>(08 chỉ số chính)</i>	Chỉ số thành phần <i>(85 chỉ số thành phần)</i>	Tổng điểm tối đa <i>(1.000 điểm)</i>
1	Nhận thức số	8	100
2	Thế chế số	8	100
3	Hạ tầng số	11	140
4	Nhân lực số	11	100
5	An toàn thông tin mạng	9	100
6	Hoạt động chính quyền số	20	230
7	Hoạt động kinh tế số	9	100
8	Hoạt động xã hội số	9	130

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

Điều 6. Bộ chỉ số đánh giá DTI cấp xã: 08 chỉ số chính; 69 chỉ số thành phần; thang điểm 1.000

STT	Chỉ số chính <i>(08 chỉ số chính)</i>	Chỉ số thành phần <i>(69 chỉ số thành phần)</i>	Tổng điểm tối đa <i>(1.000 điểm)</i>
1	Nhận thức số	7	100
2	Thế chế số	6	100
3	Hạ tầng số	9	120
4	Nhân lực số	10	100
5	An toàn thông tin mạng	7	100
6	Hoạt động chính quyền số	18	250
7	Hoạt động kinh tế số	4	110
8	Hoạt động xã hội số	8	120

(Chi tiết theo Phụ lục III kèm theo)

Chương III

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 7. Trình tự, thời gian thực hiện

1. Việc đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số được thực hiện định kỳ hằng năm.

a) Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tự đánh giá, chấm điểm mức độ chuyển đổi số của cơ quan mình (*Số liệu báo cáo được tính từ ngày 01/11 năm trước đến ngày 01/11 năm đánh giá*). Thời hạn nhập liệu: Chậm nhất vào ngày 25/11 của năm đánh giá.

b) Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị, Hội đồng thẩm định chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh sẽ thực hiện việc thẩm định, xác minh số liệu mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện (*trước ngày 15/12 của năm đánh giá*). Sau khi có kết quả thẩm định, xác minh, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp số liệu đánh giá, xếp loại mức độ chuyển đổi số đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và trình UBND tỉnh công bố kết quả đánh giá, xếp loại mức độ chuyển đổi số các cơ quan, đơn vị (*trước ngày 31/12 của năm đánh giá*).

c) UBND cấp huyện thực hiện thẩm định, đánh giá, xếp loại và công bố kết quả chuyển đổi số cấp xã (*trước ngày 31/12 của năm đánh giá*).

2. Việc thực hiện Báo cáo chuyển đổi số định kỳ (chỉ đánh giá mức độ thực hiện, không đánh giá xếp loại): Các cơ quan, đơn vị thực hiện cập nhật số liệu báo cáo 3 tháng, 6 tháng và 9 tháng trước ngày 15 của tháng cuối quý.

Điều 8. Thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số

1. Nhiệm vụ thẩm định, đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số các cơ quan cấp sở, cấp huyện do Hội đồng thẩm định chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh thực hiện.

2. Nhiệm vụ thẩm định, đánh giá, xếp loại mức độ chuyển đổi số đối với các xã, phường, thị trấn do UBND cấp huyện thực hiện.

Kinh phí hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số trên địa bàn cấp xã, phường, thị trấn do ngân sách cấp huyện cấp theo quy định.

3. Cơ sở tiến hành đánh giá, xếp hạng

a) Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, văn bản chuyên đổi số của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị.

c) Kết quả kiểm tra thực tế về tình hình thực hiện chuyên đổi số của các cơ quan, đơn vị.

d) Số liệu thu thập trên các phần mềm, hệ thống thông tin có liên quan.

e) Các tài liệu, văn bản kiểm chứng.

4. Phương pháp đánh giá

Căn cứ thang điểm chuẩn của từng chỉ số, các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện để tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành công việc. Mức điểm cho mỗi chỉ số là điểm tối đa khi đáp ứng toàn bộ yêu cầu của chỉ số đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ thực hiện công việc, nhiệm vụ.

a) Việc tự đánh giá, chấm điểm của cơ quan, đơn vị bắt buộc phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ tin cậy của việc đánh giá, chấm điểm. Đối với các chỉ số, chỉ số thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, cơ quan, đơn vị phải có giải thích cụ thể bằng văn bản về cách thức đánh giá, tính điểm.

b) Trường hợp có nội dung, chỉ số chuyển đổi số chưa được cấp trên quy định, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai hoặc do đặc thù mà không triển khai thì Hội đồng thẩm định chỉ số chuyển đổi số tỉnh xem xét xác định không đánh giá, chấm điểm nội dung, chỉ số đó. Số điểm của các chỉ số không đánh giá, chấm điểm sẽ được giảm trừ hoặc được bổ sung chỉ số khác thay thế các chỉ số không thực hiện do Hội đồng thẩm định quyết định.

Điều 9. Xếp hạng mức độ chuyển đổi số

1. Việc xếp hạng đánh giá mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị được tính trên cơ sở tổng số điểm của các chỉ số và xác định theo thứ tự từ cao xuống thấp.

2. Xếp hạng được chia thành 04 nhóm đối tượng chính là:

a) Nhóm xếp hạng tốt: Cơ quan có tỉ lệ đạt từ 90% trở lên.

b) Nhóm xếp hạng khá: Cơ quan có tỉ lệ đạt trong khoảng từ 70% đến dưới 90%.

c) Nhóm xếp hạng trung bình: Cơ quan có tỉ lệ đạt trong khoảng từ 50% đến dưới 70%.

d) Nhóm xếp hạng yếu: Cơ quan có tỉ lệ dưới 50%.

e) Cơ quan, đơn vị không tự báo cáo, đánh giá theo thời gian quy định của tỉnh thì xếp hạng yếu.

3. UBND tỉnh phê duyệt và công bố kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện.

4. UBND cấp huyện phê duyệt và công bố kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các xã, phường, thị trấn.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH; UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP LIÊN QUAN

Điều 10. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu xây dựng, triển khai ứng dụng nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chấm điểm, đánh giá DTI cấp sở, cấp huyện, cấp xã.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, địa phương khai thác, sử dụng nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chấm điểm, đánh giá DTI các cấp.

3. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã triển khai thực hiện Quyết định này.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định chỉ số đánh giá chuyển đổi số tỉnh.

5. Tham mưu UBND tỉnh hiệu chỉnh, bổ sung, sửa đổi các chỉ số đánh giá về chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành của các cơ quan nhà nước tỉnh.

6. Phối hợp với Sở Nội vụ đưa kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số theo Quy định này vào nội dung xác định trách nhiệm trong thực thi công vụ của người đứng đầu và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm của các cơ quan, đơn vị.

7. Chỉ đạo các cơ quan báo chí phổ biến, tuyên truyền kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của tỉnh.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định dự toán kinh phí xây dựng, triển khai nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ công tác chấm điểm, đánh giá DTI.

2. Tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí thường xuyên cho Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

Điều 12. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện, cấp xã; tổ chức, doanh nghiệp liên quan

1. Căn cứ Quyết định này và tình hình thực tế tại sở, ban, ngành, địa phương chủ động triển khai các hoạt động chuyển đổi số và chấm điểm, đánh giá mức độ chuyển đổi số hàng năm theo Bộ chỉ số đánh giá DTI các cấp.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình thẩm định, đánh giá, xếp hạng các nội dung của Bộ chỉ số.

3. UBND cấp huyện theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc UBND xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Quyết định này; xem xét, bố trí kinh phí tổ chức chấm điểm, đánh giá DTI cấp xã hàng năm phù hợp.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Thông và Truyền thông, Cục Thuế Hà Tĩnh, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Hà Tĩnh, Bưu điện Hà Tĩnh, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn tỉnh và các cơ quan khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, số liệu chuyên ngành, lĩnh vực cần thiết liên quan để hỗ trợ cho các sở, ban, ngành, địa phương và Hội đồng, Tổ giúp việc đánh giá DTI các cấp trong quá trình chấm điểm, thẩm định đánh giá mức độ chuyển đổi số hàng năm.

5. Cổng thông tin điện tử tỉnh, Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh có trách nhiệm phổ biến, tuyên truyền việc tổ chức thực hiện nội dung Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá DTI, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn và phối hợp giải quyết. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, thống nhất phương án đề xuất, báo cáo, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH